

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**ĐVT: 1.000 đồng*

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	108.520.981	TỔNG SỐ CHI	108.520.981
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	704.372	I. Chi đầu tư phát triển	1.915.000
- Lệ phí môn bài	27.000	II. Chi thường xuyên	76.348.472
- Phí, lệ phí khác	73.000	- Chi quốc phòng	1.332.057
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	264.000	- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	162.000
- Thu hoa lợi công sản	21.000	- Chi sự nghiệp Giáo dục	43.903.000
- Thu khác	319.372	- Chi sự nghiệp kinh tế	745.982
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	2.607.100	- Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin, Phát thanh, Chi Thể dục thể thao	468.900
- Thuế Giá trị gia tăng	270.000	- Chi đảm bảo xã hội	6.094.560
- Lệ phí trước bạ	464.000	- Sự nghiệp môi trường	210.000
- Tiền sử dụng đất	1.865.000	- Chi khác	1.163.000
- Thuê mặt đất, mặt nước	8.100	- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	22.268.973
III. Thu đóng góp	50.000	III. Chi tạo nguồn CCTL	580.000
IV. Thu bổ sung	103.627.979	IV. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu cấp huyện bổ sung 6 tháng đầu năm, nguồn kết dư, nguồn chuyển nguồn năm 2024	29.203.509
- Bổ sung cân đối	74.956.000	V. Dự phòng Ngân sách	474.000
- Bổ sung có mục tiêu	28.671.979		
V. Thu chuyển nguồn	1.523.793		
VI. Thu kết dư ngân sách	7.737		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG SỐ THU	140.315.881	108.520.981
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	704.372	704.372
	- Lệ phí môn bài	27.000	27.000
	- Phí, lệ phí khác	73.000	73.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	264.000	264.000
	- Thu hoa lợi cộng sản	21.000	21.000
	- Thu khác	319.372	319.372
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	34.402.000	2.607.100
	- Thu từ khu vực Quốc doanh	45.000	
	- Thuế Giá trị gia tăng	1.050.000	270.000
	- Lệ phí trước bạ	2.910.000	464.000
	- Tiền sử dụng đất	28.950.000	1.865.000
	- Thuê mặt đất, mặt nước	27.000	8.100
	- Thuế thu nhập cá nhân	1.420.000	
III	Thu đóng góp	50.000	50.000
IV	Thu bổ sung	103.627.979	103.627.979
	- Bổ sung cân đối	74.956.000	74.956.000
	- Bổ sung có mục tiêu	28.671.979	28.671.979
V	Thu chuyển nguồn	1.523.793	1.523.793
VI	Thu kết dư ngân sách	7.737	7.737

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị: 1.000 đồng*

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG SỐ CHI	108.520.981	24.386.656	84.134.325
	Trong đó:			
1	- Chi quốc phòng	1.332.057		1.332.057
2	- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	162.000		162.000
3	- Chi sự nghiệp Giáo dục	43.903.000		43.903.000
4	- Chi sự nghiệp kinh tế	745.982		745.982
5	- Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin, Phát thanh, Chi Thể dục thể thao	468.900		468.900
6	- Chi đảm bảo xã hội	6.094.560		6.094.560
7	- Sự nghiệp môi trường	210.000		210.000
8	- Chi khác	1.163.000		1.163.000
9	- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	22.268.973		22.268.973
10	Chi tạo nguồn CCTL	580.000		580.000
11	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu cấp huyện bổ sung 6 tháng đầu năm, nguồn kết dư, nguồn chuyển nguồn năm 2024	6.731.853		6.731.853
12	Dự phòng Ngân sách	474.000		474.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (1) NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn huy động hợp pháp khác		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		8.758	2.484	-	-			
Nâng cấp tuyến đường hạ tầng khu dân cư Vùng Đồng Cùg thôn Cao Thắng, xã Thạch Lạc		1.768			129		129	-
Nâng cấp tuyến đường hạ tầng khu dân cư Vùng Đồng Làng thôn Yên Lạc, xã Thạch Lạc		1.139			290		290	-
Đường giao thông nông thôn xã Thạch Lạc 2025		4.871	2.484		3.256		2.046	1.210
Kênh mương nội đồng xã Thạch lạc 2025		280			200		200	-
Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc xã Thạch Lạc (GD 1)		700			700		700	-

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh